

Việc làm xanh ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức

Đoàn Thị Thu Hương^(*)

Tóm tắt: Việc làm xanh là khái niệm mới nổi cùng với khái niệm kinh tế xanh khi những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về thuật ngữ này. Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế từ “nâu” sang “xanh”, trong đó việc làm xanh là một trong ba nội dung của Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam. Dựa vào các phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu nghiên cứu của các tổ chức quốc tế và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, bài viết sử dụng định nghĩa và cách tiếp cận việc làm xanh của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) kết hợp với các dữ liệu thứ cấp để làm rõ thực trạng việc làm xanh trên góc độ tổng thể nền kinh tế và đề xuất một số giải pháp nâng cao tỷ lệ việc làm xanh trong thời gian tới.

Từ khóa: Việc làm xanh, Kinh tế xanh, Tăng trưởng xanh, Chiến lược tăng trưởng xanh

Abstract: Green jobs have emerged following the concept of green economy as the increasingly serious effects of climate change are evident worldwide. However, there has been no unified interpretation of this term until now. Vietnam is in the economic transition from “brown” to “green”, in which green jobs are one of three contents of Vietnam’s Green Growth Strategy. Based on analysis and synthesis of research by international organizations and the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs in the period from 2011 to present, the paper adopts the definition and approach to green jobs of the International Labor Organization (ILO) combined with secondary data to analyse the current situation of green jobs from the perspective of the overall economy and propose some solutions to improve the rate of green jobs in the coming time.

Keywords: Green Job, Green Economy, Green Growth, Green Growth Strategy

1. Đặt vấn đề

Khái niệm “Phát triển bền vững” lần đầu tiên được đề cập trong Tuyên bố chung của Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất, tổ chức

tại Rio de Janeiro, Brazil vào tháng 5/1992. Kể từ đó đến nay, phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu phát triển chung của các quốc gia. Trong khuôn khổ phát triển bền vững, khái niệm nền kinh tế xanh được thiết lập ở cấp độ toàn cầu với tư cách các nguyên tắc chỉ dẫn mới về môi trường, được dùng để đề cập tới nền kinh tế định

^(*) TS., Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: huongdoan1907@gmail.com

hướng bền vững sinh thái, lợi nhuận kinh tế đi đôi với sự hòa nhập và bình đẳng xã hội.

Việc làm xanh là một trong ba mục tiêu của tăng trưởng xanh, mang nội hàm của các chính sách hướng tới phát triển bền vững. Tuy nhiên, khái niệm việc làm xanh chưa được đề cập chính thức trong các văn bản pháp quy của Việt Nam (CIEM, 2018). Do đó, việc đưa ra một khái niệm về việc làm xanh và phân tích thực trạng việc làm xanh trong tổng thể nền kinh tế là cơ sở để đề xuất hướng thúc đẩy việc làm xanh, tạo động lực tăng trưởng xanh hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam.

2. Khái niệm về việc làm xanh

Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc UNEP và cộng sự (2008) đưa ra khái niệm về việc làm xanh gồm các công việc giúp bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học; giảm tiêu thụ năng lượng, nguyên vật liệu và tiêu thụ nước thông qua các chiến lược sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phát triển nền kinh tế cacbon thấp; giảm thiểu hoặc hoàn toàn tránh tạo ra tất cả các dạng chất thải và ô nhiễm. Theo tổ chức Trung tâm Quốc

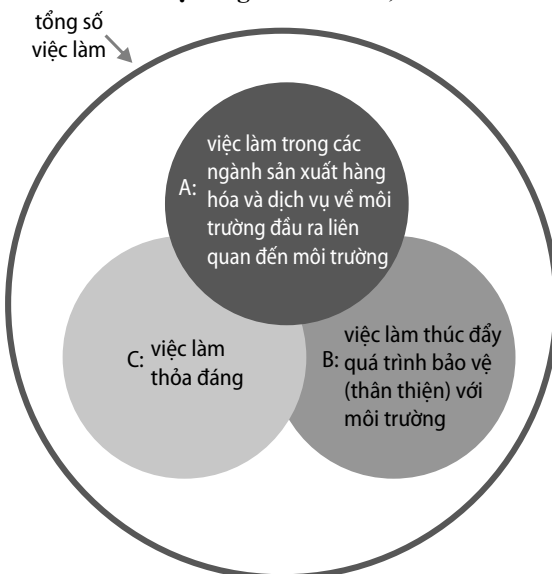
tế về Giáo dục, Đào tạo Kỹ thuật và Dạy nghề của UNESCO - UNEVOC (2013), việc làm xanh là các công việc đóng góp vào việc bảo tồn và phục hồi chất lượng môi trường, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu và mục tiêu của phong trào lao động như có mức lương thỏa đáng, các điều kiện an toàn lao động và các quyền của người lao động. Năm 2013, ILO định nghĩa việc làm xanh là những công việc giúp: (1) cải thiện hiệu quả năng lượng và nguyên liệu thô; (2) hạn chế phát thải khí nhà kính; (3) giảm thiểu chất thải và ô nhiễm; (4) bảo vệ và khôi phục hệ sinh thái; và (5) hỗ trợ thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu (ILO, 2013).

Ở Việt Nam, hầu hết các nghiên cứu đều dựa trên công thức xác định việc làm xanh của ILO (2016), cụ thể (Xem: Hình 1): $G = (A \cup B) \cap C$

Trong đó, A là việc làm trong các ngành sản xuất hàng hóa và dịch vụ về môi trường đầu ra liên quan đến môi trường; B là việc làm thúc đẩy quá trình bảo vệ (thân thiện) với môi trường (việc làm trong các hoạt động sản xuất có quy trình thân thiện với môi trường); C là việc làm thỏa đáng theo 10 tiêu chí của ILO (ILO, 2015).

Như vậy, việc làm xanh có thể quy về bốn loại bao gồm: (1) Xanh hóa việc làm hiện tại; (2) Việc làm trong các ngành chế tạo thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; (3) Phát triển những ngành nghề mới xanh hóa (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng thủy triều, nông nghiệp sinh thái, bảo vệ rừng...); (4) Việc làm được tạo ra để giảm thiểu và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các bên tham gia vào quá trình tạo việc làm xanh gồm: nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và đoàn thể, người lao động và cộng đồng. Trong đó, doanh nghiệp ở vị trí trung tâm, nhà nước có vai trò kiến tạo, dẫn dắt và phối hợp với

Hình 1: Cách xác định việc làm xanh theo định nghĩa của ILO, 2016



Nguồn: ILO, 2016.

các tổ chức xã hội, cộng đồng, người lao động và doanh nghiệp.

3. Việc làm xanh ở một số quốc gia trên thế giới

3.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc thuộc nhóm quốc gia có lượng phát thải cao nhất thế giới và đang phải đối mặt với áp lực giảm mức khí thải. Do đó, Trung Quốc tập trung vào các chính sách tăng trưởng xanh, trong đó có chính sách hỗ trợ tạo việc làm xanh. *Thứ nhất*, Trung Quốc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang mô hình phát triển xanh với nhiều ngành kinh tế mới như năng lượng tái tạo, công nghệ, dịch vụ. Quá trình này tạo động lực hình thành nhiều cơ hội việc làm và gia tăng tỷ lệ việc làm xanh của nền kinh tế như quản lý tái chế chất thải đô thị, thu giữ CO₂ trong các nhà máy điện, buôn bán cacbon, đánh giá tác động môi trường và các vị trí việc làm khác. *Thứ hai*, thu hẹp và loại bỏ một số công việc “màu xám”, chẳng hạn như một số ngành hoặc doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng truyền thống trong sản xuất xi măng, sắt thép, hóa chất... sẽ bị sáp nhập, đóng cửa hoặc thay thế. *Thứ ba*, thay đổi phương thức và yêu cầu về kỹ năng đối với các loại hình công việc truyền thống, chẳng hạn như nông dân cần học về phân xanh, kiểm soát bằng biện pháp sinh học đối với côn trùng gây hại...; các kỹ sư quy hoạch đô thị cần nắm được và áp dụng các công nghệ xanh (Ge, Zhi, 2016).

3.2. Kinh nghiệm của Đức

Việc làm xanh ở Đức có thể coi là những công việc môi trường. Cơ quan Việc làm liên bang (BA) định nghĩa việc làm môi trường là những việc đóng góp trực tiếp vào bảo vệ môi trường, bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, tái chế hoặc các mục đích tương tự (không bao gồm các công việc như tiếp thị, thương mại hoặc công nghệ thông tin) (Cedefop,

2019). Để gia tăng tỷ lệ việc làm xanh, Đức đã tiến hành các hoạt động như: (i) Kích hoạt các chương trình đào tạo có mục tiêu/chính sách thị trường lao động tích cực hướng tới việc làm xanh; (ii) Gia tăng việc làm và những đòi hỏi kỹ năng mới trong lĩnh vực phương tiện giao thông sử dụng điện; (iii) Đào tạo kỹ năng xanh thông qua hoạt động năm sinh thái tự nguyện do Quỹ Xã hội châu Âu (ESF) tài trợ; (iv) Đảm bảo chất lượng công việc xanh thông qua mạng môi trường ở cấp địa phương Okoprofit (Janser, 2018).

4. Việc làm xanh ở Việt Nam

4.1. Cơ chế, chính sách liên quan đến việc làm xanh

Ngay từ sớm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đã được đề cập trong các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước. Năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam” nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước và thực hiện cam kết quốc tế. Định hướng và mục tiêu xanh hóa nền kinh tế được cụ thể bằng việc Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng Xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050¹. Đây được coi là chiến lược toàn diện đầu tiên về phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, trong đó đề cập tới việc làm xanh thông qua mục tiêu “xanh hóa sản xuất”.

Năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014, thể hiện quan điểm mục tiêu, chiến lược và cụ thể hóa các giải pháp làm

¹ Xem: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=163886>

cơ sở để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Kế hoạch bao gồm 4 chủ đề chính: (i) Xây dựng thể chế và kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương; (ii) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (iii) Thực hiện xanh hóa sản xuất; (iv) Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững. Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 bao gồm 47 hoạt động ưu tiên từ hoàn thiện khung thể chế, chính sách, đến nâng cao nhận thức và các hoạt động rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành...

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2015 (Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ). Mục tiêu chung của Chương trình là từng bước hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, tăng cường nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, định hướng giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng nền kinh tế cacbon thấp, tích cực cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Ngày 26/8/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020, trong đó có Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Mục tiêu của chương trình là tiến hành đồng thời các giải pháp thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đảm bảo an toàn tính mạng con người và tài sản. Tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người và các hệ thống tự nhiên; tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế cacbon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững. Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh

hóa các ngành hiện có và khuyến khích các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao.

Quyết định số 882/2022/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh cũng xác định vai trò và trách nhiệm của các bộ, ngành và cơ quan trong tạo việc làm xanh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể là Tổng cục Thống kê) xây dựng tiêu chí phương pháp đo lường việc làm xanh, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về việc làm xanh tích hợp đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện nhiệm vụ dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh dựa trên định hướng của các ngành; hình thành, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia cho các ngành nghề xanh (dự báo nhu cầu lao động, yêu cầu về năng lực, kỹ năng...), kết nối cung và cầu trong thị trường lao động, việc làm xanh.

Mặc dù đã xây dựng và ban hành Chiến lược tăng trưởng xanh nhưng các nội dung về biến đổi khí hậu, xanh hóa nền kinh tế lại chưa được đề cập đồng bộ và thống nhất trong toàn bộ khung pháp lý. Đặc biệt chưa có văn bản pháp lý nào đề cập tới khái niệm và quy định khung đo lường cơ bản về việc làm xanh. Điều này tạo ra khó khăn cho quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất xanh hóa, đào tạo và đảm bảo chất lượng nhân lực nghề xanh...

4.2. Tình hình việc làm xanh ở Việt Nam

Thực trạng việc làm xanh ở Việt Nam thường được xem xét dựa vào 2 cách tiếp cận sau:

(i) *Việc làm xanh trong các ngành/hoạt động kinh tế có sản phẩm đầu ra xanh:* việc làm xanh đã tồn tại trong nhiều ngành

và hoạt động kinh tế. Ví dụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, việc làm xanh đã bước đầu xuất hiện ở các ngành trồng rừng và chăm sóc rừng (mã ngành 210), các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (240); hay trong lĩnh vực cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, việc làm xanh tồn tại ở các ngành như khai thác, xử lý và

cung cấp nước (3600), thoát nước và xử lý nước thải (3700), thu gom rác thải không độc hại (3811), thu gom rác thải độc hại (3812), xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (3821), xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (3822), tái chế phế liệu (3830), xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (3900),... (Nguyễn Bá Ngọc, 2018).

Bảng 1: Cơ cấu lao động có việc làm hưởng lương theo phần xanh và không xanh ở mỗi ngành kinh tế

STT	Ngành kinh tế	Tỷ trọng (%)	
		Phần xanh	Phần không xanh
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	83,79	16,21
2	Khai khoáng	91,82	8,18
3	Công nghệ chế biến, chế tạo	87,03	12,97
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	86,85	13,15
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	82,21	17,79
6	Xây dựng	70,75	29,25
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	94,44	5,56
8	Vận tải, kho bãi	31,25	68,75
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	90,44	9,56
10	Thông tin và truyền thông	89,48	10,52
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	93,47	6,53
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1,80	98,20
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	69,67	30,33
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	78,79	21,21
15	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	95	5
16	Giáo dục và đào tạo	4,21	95,79
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	93,11	6,89
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	65,79	34,21
19	Hoạt động dịch vụ khác	70,77	29,23
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	90	10
Tổng số		75,91	24,09

Nguồn: Nguyễn Quỳnh Hoa, 2020.

(ii) *Việc làm xanh trong các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng sản xuất quy trình công nghệ xanh*: việc đo lường việc làm xanh của Việt Nam chủ yếu dựa trên số liệu điều tra lao động việc làm, báo cáo điều tra doanh nghiệp và sử dụng công thức xác định việc làm xanh của ILO 2016 (Xem: Hình 1) để ước tính (Xem: Bảng 1).

Quy mô của các ngành “xanh” (trực tiếp liên quan đến bảo vệ môi trường) trong nền kinh tế Việt Nam còn thấp. Tỷ trọng số doanh nghiệp, số lao động và giá trị hàng hóa/dịch vụ của các doanh nghiệp thuộc ngành xanh chiếm chưa đến 1% trong tổng quy mô của nền kinh tế. Các ngành “xanh” của Việt Nam mới chủ yếu thu hút lao động chưa có kỹ năng, trong đó tập trung vào

một số ngành công nghiệp và dịch vụ. Tỷ lệ lao động chưa có kỹ năng trong các ngành xanh xấp xỉ so với tỷ lệ chung của nền kinh tế. Phát triển khu vực xanh sẽ đảm bảo giải quyết một phần lớn lực lượng lao động chưa có kỹ năng trong nền kinh tế trong tương lai (Minh Phúc, 2016).

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, các ngành trong nền kinh tế đang có xu hướng xanh hóa hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp trong mỗi ngành đều cải tiến công nghệ theo hướng tiết kiệm năng lượng hơn nên tỷ trọng việc làm trong khu vực xanh của các ngành tương đối cao. Đặc biệt, một số ngành có tỷ lệ việc làm trong các khu vực xanh đạt trên 90% như ngành khai khoáng; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô

Bảng 2. Phân tích SWOT xác định cơ hội và thách thức phát triển việc làm xanh ở Việt Nam

Điểm mạnh	Điểm yếu
<p>(i) Nhận thức từ sớm của Đảng và Nhà nước với các cam kết mạnh mẽ trong việc chuyển đổi kinh tế từ “nâu” sang “xanh” và ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.</p> <p>(ii) Xu hướng phát triển bền vững, quá trình hội nhập sâu rộng của nền kinh tế tạo động lực mạnh mẽ buộc doanh nghiệp phát triển theo hướng xanh.</p>	<p>(i) Chưa có khái niệm chính thức được quy định trong các văn bản pháp quy.</p> <p>(ii) Chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, khung khổ thể chế của Việt Nam còn có những điểm “nghẽn”.</p> <p>(iii) Chưa thể đo lường việc làm xanh trong thực tiễn do thực trạng thống kê và hoạt động của nền kinh tế chưa cho phép đánh giá được đầy đủ số lượng, cơ cấu, chất lượng việc làm xanh, đặc biệt là việc làm trong các ngành xanh hóa, phát triển những ngành mới và việc làm liên quan đến giảm thiểu, ứng phó với biến đổi khí hậu.</p>
Cơ hội	Thách thức
<p>(i) Các ngành “xanh” của Việt Nam mới chủ yếu thu hút lao động phổ thông, trong đó tập trung vào một số ngành công nghiệp và dịch vụ. Tỷ lệ lao động chưa có kỹ năng trong các ngành xanh xấp xỉ so với tỷ lệ chung của nền kinh tế. Phát triển khu vực xanh sẽ đảm bảo giải quyết một phần lớn lực lượng lao động phổ thông trong nền kinh tế trong tương lai.</p> <p>(ii) Nhu cầu tăng trưởng xanh và tạo việc làm xanh thúc đẩy các ngành sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại để ngày càng tiết kiệm năng lượng hơn trong quá trình sản xuất.</p>	<p>(i) Chi phí xã hội và áp lực cạnh tranh của doanh nghiệp: Những chi phí xã hội tăng thêm để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng xanh và thực hiện việc làm xanh trong doanh nghiệp sẽ là rào cản lớn hướng tới nền kinh tế xanh.</p> <p>(ii) Yêu cầu gắn việc làm xanh với việc làm bền vững (đảm bảo cho các nhóm dễ bị tổn thương và lồng ghép các vấn đề toàn cầu).</p> <p>(iii) Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện vẫn theo chiều rộng dựa vào lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên, chi phí năng lượng cao và gây ô nhiễm môi trường lớn. Việc chuyển đổi toàn diện mô hình kinh tế cần nhiều thời gian và nguồn lực.</p>

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động tài chính ngân hàng và bảo hiểm; y tế và các hoạt động trợ giúp.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số ngành có hoạt động chủ yếu ở khu vực không xanh như hoạt động kinh doanh bất động sản hay giáo dục và đào tạo.

Xu hướng việc làm xanh có chiều hướng gia tăng. Theo kết quả khảo sát của ManpowerGroup Việt Nam, từ năm 2022, nhu cầu việc làm “xanh” cao nhất đến từ các ngành sản xuất (48%), năng lượng (34%), nông nghiệp (11%) và công nghệ (4%) (Thu Hằng, 2023).

Theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2022, khi phân theo vị trí địa lý, việc làm xanh và việc làm trong các ngành xanh tập trung nhiều hơn ở vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung và vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong khi việc làm xanh tiềm năng lại trải rộng hơn. Các tỉnh có mức độ việc làm xanh cao nhất là Yên Bái (13%), Bạc Liêu (12%) và Sóc Trăng (9%). Các khu vực Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nguyên có tỷ trọng và mức độ việc làm xanh thấp (WB, 2022).

4.3. Một số hạn chế và thách thức trong tạo việc làm xanh ở Việt Nam

Việc làm xanh là một trong những giải pháp hiệu quả nhằm thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, quá trình đo lường việc làm xanh và gia tăng tỷ lệ việc làm xanh trong tổng thể nền kinh tế đòi hỏi phải có sự phát triển đồng bộ và chuẩn bị nền tảng kỹ lưỡng. Mặc dù Việt Nam đã luôn xác định định hướng phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh và mục tiêu phát triển bền vững, nhưng quá trình phát triển việc làm xanh của nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế và thách thức (Xem: Bảng 2).

5. Kết luận và khuyến nghị

Ở Việt Nam hiện chưa có định nghĩa chính thức về việc làm xanh, cũng như chưa có tiêu chí và nguồn dữ liệu để xác định việc làm xanh. Việc làm xanh chủ yếu trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nhưng cũng là dấu hiệu tích cực trong quá trình phát triển hướng tới phát triển bền vững. Với mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2035 (WB, 2016), trong bối cảnh biến đổi khí hậu ảnh hưởng ngày càng nặng nề đối với các nền kinh tế trên thế giới, phát triển kinh tế gắn với phát triển bền vững là yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam. Thông qua việc xem xét, phân tích khái niệm, nội hàm và phân tích cơ hội và thách thức, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị cho việc tạo việc làm xanh ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, khái niệm việc làm xanh cần được luật hóa trong các văn bản chính thức và phổ biến rộng rãi tới các tầng lớp trong xã hội, đảm bảo nhận thức đúng, đủ về bản chất. Đồng thời, cần đưa chỉ số việc làm xanh thành chỉ số theo dõi của từng ngành và ở phạm vi cả nền kinh tế.

Thứ hai, cần ban hành các chính sách, chiến lược thống nhất và đồng bộ chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ “nâu” sang “xanh”, từ đó thúc đẩy tạo việc làm xanh, gắn việc làm xanh vào chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; có chính sách khuyến khích tăng phần giá trị sản xuất của khu vực xanh trong từng ngành kinh tế, đảm bảo nguồn lực cạnh tranh cho các đơn vị chủ động chuyển đổi, phát triển theo hướng sản xuất xanh để tạo việc làm xanh.

Thứ ba, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho người lao động từ phi chính thức sang các công việc chính thức; lồng ghép kỹ năng việc làm xanh, nhận thức về việc làm xanh vào chương trình đào tạo nghề chính quy để tạo lực lượng cho quá trình chuyển đổi □

Tài liệu tham khảo

1. Cedefop (2019), “Skills for green jobs: 2018 update: European synthesis report”, *Publications Office*, Luxembourg, Cedefop reference series, 109, <https://www.cedefop.europa.eu/en/publications/3078>
2. CIEM (2018), *Việc làm xanh trong bối cảnh thực hiện tăng trưởng xanh tại Việt Nam*, Hà Nội.
3. Ge, Yeyanran, Zhi, Qiang (2016), “Literature review: The green economy, clean energy policy and employment”, *Energy Procedia*, Vol. 88, p. 257-264.
4. Thu Hằng (2023), “Việc làm xanh đang trở thành xu hướng tại Việt Nam”, *Vneconomy* ngày 26/08/2023, <https://vneconomy.vn/viec-lam-xanh-dang-tro-thanh-xu-huong-tai-viet-nam.htm>
5. Nguyễn Quỳnh Hoa (2020), “Việc làm xanh ở Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị chính sách nhằm hướng tới phát triển bền vững”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, số 278, tr. 48-57.
6. Janser, Markus (2018), *The greening of jobs in Germany First evidence from a text mining based index and employment register data*, Institute of the German Federal Employment Agency, Germany.
7. Minh Phúc (2016), *Việc làm “xanh” đắt giá ở Mỹ và cơ hội cho Việt Nam*, Viện Khoa học pháp lý, <http://khpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghiencuu-trao-doi-moi-truong.aspx?ItemID=132>
8. ILO (2013), *Report V: Sustainable development, decent work and green jobs*, Geneva.
9. ILO (2015), *Decent Work*, <https://www.ilo.org/global/topics/decent-work/lang--en/index.htm>
10. ILO (2016), *What is a green job*, https://www.ilo.org/global/topics/green-jobs/news/WCMS_220248/lang--en/index.htm
11. Nguyễn Bá Ngọc (2018), *Các giải pháp thúc đẩy việc làm xanh ở Việt Nam*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học Lao động xã hội.
12. UNEP, ILO, IOE, ITUC (2008), *Green Jobs: Towards decent work in a sustainable, low-carbon world*, United Nations Environment Programme (UNEP), Nairobi, Kenya.
13. UNEVOC (2013), *Meeting skill needs for green jobs: Policy recommendations*, <https://www.ilo.org/global/topics/decent-work/lang--en/index.htm>
14. WB (2016), *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Hà Nội.
15. WB (2022), *Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển cho Việt Nam*, Hà Nội.

(tiếp theo trang 43)

4. Trần Dũng (2015), *Phạm Văn Bạch (1910-1987)*, Website Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh ngày 11/12/2015, <https://tuyengiao.travinh.gov.vn/1458/39703/72993/619852/nhan-vat/pham-van-bach>.
5. Bảo Thu (2018), “Cô Chánh án Phạm Văn Bạch - Mỗi tình đầu và Luận án Tiến sĩ khác thường”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* điện tử ngày 05/3/2018, <https://tapchitoaan.vn/co-chanh-an-pham-van-bach-moi-tinh-dau-va-luan-an-tien-si-khac-thuong>